

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Tu;
- Ông Đinh Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Đặng Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Thị Trúc P, sinh năm 1988; địa chỉ: số nhà A, ấp D, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện nhận văn bản tố tụng và giao nộp tài liệu chứng cứ theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Trúc P: chị Luân Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: số F, ngách A, ngõ D, đường V, xã V, huyện H, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024).

2. Bị đơn: anh Hoàng Văn V, sinh năm 1986. Nơi cư trú cuối cùng: xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay anh Hoàng Văn V đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Trúc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Văn V kết hôn ngày 15/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Năm 2019 vợ chồng anh chị ly thân cho đến nay, anh V về quê Ninh Bình đến tháng 7 năm 2023 anh V sang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Vì khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị không còn tình cảm, đã ly thân được 5 năm. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh chị xác định không còn tình cảm nên không đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung, tên cháu là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 19/01/2015. Nếu ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hoàng Văn V:

Tại Công văn số 657/PA08-Đ1 ngày 14/10/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh N cung cấp như sau: anh V đã xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế N1 vào ngày 24/7/2023. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh V và niêm yết công khai: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời Tòa án đã thông báo trên kênh VOV5 Đ1, trên B1, trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Anh V không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con đề ngày 16/12/2024, cháu Hoàng Hải Đ có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại Biên bản làm việc ngày 22/11/2024 bà Trần Thị B là mẹ đẻ của Hoàng Văn V cung cấp như sau: bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh V đang ở nước ngoài. Thỉnh thoảng anh V có liên hệ với bà qua mạng xã hội. Bà sẽ cố gắng thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh V biết về việc chị P làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh V và xin được nuôi cháu Đ. Quan điểm của gia đình bà mong chị P và anh V quay về đoàn tụ để nuôi dạy con chung. Trường hợp chị P ly hôn anh V thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/11/2024, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K cung cấp như sau: anh V và chị P không đăng ký kết hôn ở địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị P thì địa phương không biết.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/11/2024, Công an xã Đ, huyện K cung cấp như sau: hiện nay anh V không có mặt tại địa phương, không rõ thời điểm trở về.

Tại Văn bản trình bày ngày 25/11/2024, chị N đồng ý nhận văn bản tố tụng, giao nộp tài liệu chứng cứ theo ủy quyền của chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P. Cho chị P ly hôn anh V. Về con chung: giao cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 19/01/2015 cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí sơ thẩm: chị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là anh Hoàng Văn V không có mặt tại Việt Nam; anh V đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. Trước khi xuất cảnh, nơi cư trú cuối cùng của anh V là: xóm C, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Trúc P hiện đang cư trú tại tỉnh Bến Tre. Vì vậy Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị P là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Chị Huỳnh Thị Trúc P có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị P chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh V mà không cung cấp được địa chỉ của anh V ở nước ngoài. Toà án đã gửi cho thân nhân của anh V và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Toà án, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng anh V vắng mặt tại phiên toà ngày 24/02/2025. Tại phiên toà ngày 20/3/2025, anh V tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Bà Trần Thị B là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn V xác nhận anh V thỉnh thoảng có liên hệ với bà qua mạng xã hội nhưng bà B không cung cấp địa chỉ cụ thể, chính xác của anh V ở nước ngoài cho Toà án được. Mặc dù Toà án đã đề nghị bà B thông báo cho anh V biết về yêu cầu khởi kiện của chị P nhưng anh V không có ý kiến gì; thuộc trường hợp bị đơn cố

tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị P và anh V được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P và anh V chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị P và anh V sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị P là có cơ sở, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, cho chị P được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: chị P và anh V có 01 con chung, tên cháu là Hoàng Hải Đ, sinh ngày 19/01/2015. Khi ly hôn, chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ.

Xét thấy: anh V đã xuất cảnh ra nước ngoài, không biết anh V đang làm gì, sinh sống tại địa chỉ cụ thể nào ở nước ngoài. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh V không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị P. Chị P có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu Đ. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Đ xin được ở với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ, đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu Đ, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu Đ của chị P là phù hợp với Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh V.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về lệ phí đăng tin: nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.250.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 464, Điều 469, Điều 470, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Trúc P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Huỳnh Thị Trúc P và anh Hoàng Văn V được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Trúc P và anh Hoàng Văn V chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 19/01/2015 cho chị Huỳnh Thị Trúc P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Hải Đ đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Huỳnh Thị Trúc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Huỳnh Thị Trúc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Trúc P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000061 ngày 22/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình; chị Huỳnh Thị Trúc P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Huỳnh Thị Trúc P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Hoàng Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa, huyện
Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (để ghi vào
Sổ hộ tịch);
- Bà Trần Thị Bông;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng